

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 73 /2023/DS-ST

Ngày: 27/9/2023

V/vụ án: “T/c hợp đồng vay tài sản”

- 1 -

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Ngô Rạng Đông**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến**- cán bộ Tòa án thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST-DS ngày 19/10/2020, về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXX-ST ngày 29/8/2023 và quyết định hoãn phiên Tòa số: 130/2023/QĐ ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Q T**, sinh năm 1977.(vắng mặt)

Bà **Lương H M**, sinh năm 1981.(có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà **Lương H M**, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ 1, ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Lê D**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Bà **Trần Thị T T**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Q T và bà Lương H M trình bày:

Ngày 10/8/2019 ông T, bà M có cho vợ chồng ông Lê D, Trần Thị T T mượn số tiền 20.000.000 đồng, lúc đầu ông D bà T nói là mượn đỡ ít ngày thì sẽ trả, do vợ chồng ông D nói mượn đỡ ít ngày nên giữa các bên không làm biên nhận nợ với nhau, nhưng sau hơn 10 ngày thì ông D không có tiền trả và ông bà thỏa thuận sẽ đóng lãi cho vợ chồng T với lãi suất 10%/tháng, nhưng kể từ ngày vay đến ngày 01/01/2020 vợ chồng ông D chỉ đóng cho vợ chồng T 2.000.000 đồng tiền lãi. Khi gia đình ông T cần tiền sử dụng yêu cầu vợ chồng ông D trả lại tiền như vợ chồng ông D cố tình né tránh. Nay vợ chồng ông T, bà M yêu cầu vợ chồng ông D, bà T trả số tiền vốn gốc 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê D và bà Trần Thị T trình bày: Ông D, bà T thừa nhận có vay của vợ chồng ông T, bà M số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 10/8/2019 lãi suất 15%/tháng, ông D đóng lãi đến ngày 01/01/2020 với số tiền 15.000.000 đồng, ông D gửi tiền nhờ ông Châu Văn Út đóng tiền lãi dùm cho ông T bà M. Nay vợ chồng ông D chỉ đồng ý trả thêm cho vợ chồng ông T 5.000.000 đồng cộng với số tiền lãi đã nhờ ông Út đóng là 15.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng tiền nợ, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Lê D, bà Trần Thị T T là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông D, bà T.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án giữa nguyên đơn ông Võ Q T, bà Lương H M với bị đơn ông Lê D, bà Trần Thị T T là tranh

chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án này áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự.

Đồng bị đơn có nơi cư trú tại Phú Quốc nên theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nội dung vụ án: Ngày 10/8/2019 ông T, bà M có cho vợ chồng ông Lê D, Trần Thị T T mượn số tiền 20.000.000 đồng, lúc đầu ông D bà T nói là mượn đỡ vài ngày thì sẽ trả lại, nhưng sau hơn 10 ngày thì ông D không có tiền trả và ông bà thỏa thuận sẽ đóng lãi cho vợ chồng T với lãi suất 10%/tháng, nhưng kể từ ngày vay đến ngày 01/01/2020 vợ chồng ông D chỉ đóng cho vợ chồng ông T 2.000.000 đồng tiền lãi. Việc vay mượn tiền hai bên thỏa thuận miệng. Tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2021 vợ chồng ông D thừa nhận có vay tiền của vợ chồng T 20.000.000đ, nhưng ông D gửi tiền nhờ ông Châu Văn Út đóng tiền lãi dùm cho ông T bà M là 15.000.000đ. Nên vợ chồng ông D chỉ đồng ý trả thêm cho vợ chồng vợ chồng ông T 5.000.000 đồng cộng với số tiền lãi đã nhờ ông Út đóng là 15.000.000 đồng, là trả đủ 20.000.000 đồng tiền nợ, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Vợ chồng ông T không thừa nhận việc nhận tiền lãi 15.000.000đồng từ ông Út nên không đồng ý khấu trừ vào tiền gốc.

Tại phiên Tòa bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông D trả số tiền nợ 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến bị đơn nhận thấy: Việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông T và vợ chồng ông D là tự nguyện, giữa hai bên không làm giấy vay tiền, vợ chồng ông D cũng thừa nhận nợ nên vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông D trả nợ là có căn cứ.

Việc vợ chồng ông D trình bày đã nhờ ông Châu Văn Út đóng tiền lãi dùm cho vợ chồng ông T 15.000.000đ, Tòa án đã 02 lần đến nhà ông Út để xác minh như cả hai lần đều không xác minh được và ông Út đã 02 lần nhận giấy triệu tập của tòa nhưng không có mặt, ngoài ra vợ chồng ông D không cung cấp được chứng cứ gì thêm, để chứng minh cho việc đóng lãi và vợ chồng ông T không thừa nhận có nhận tiền lãi 15.000.000đ từ ông U nên lời nại của vợ chồng ông D không có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu trả dân của vợ chồng ông D không được vợ chồng ông T chấp nhận nên không có căn cứ xem xét.

Về án phí: Vợ chồng ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho vợ chồng ông T là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng

Vợ chồng ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 48 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Q T, bà Lương H M đối với ông Lê D, bà Trần Thị T T.

2. Buộc ông Lê D, bà Trần Thị T T trả cho ông Võ Q T bà Lương H M số tiền 20.000.000 đồng (*Hai chục triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Lê D bà Trần Thị T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)

Ông Võ Q T, bà Lương H M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0007515 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tuyên án, ông D bà T vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh KG
- VKS Phú Quốc
- THA Phú Quốc
- Đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Tâm

